

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 76/2025/DS-ST
Ngày: 11 – 4 – 2025
V/v: “Tranh chấp đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1967.

2. Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1975 (Văn bản uỷ quyền ngày 07/02/2025 - Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 20/01/2025 và Biên bản hoà giải ngày 19/3/2025 nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:
Vào ngày 20/6/2009 dương lịch, ông Lê Thanh H và bà Trần Thị Bích T cho ông Trần Văn L vay số tiền 17.000.000 đồng. Là chỗ thân tình, tin tưởng nhau nên hai bên chỉ giao kết bằng lời nói. Hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/năm, không thỏa thuận thời gian trả nợ, nhưng thỏa thuận bên ông H và bà T muốn thu hồi nợ thì báo trước cho ông L 30 ngày. Để làm tin, phía ông L đã giao cho ông H và bà T

quản lý 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất đứng tên Trần Văn L do Ủy ban nhân dân huyện C (nay là huyện P), tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/11/2000. Hai bên thỏa thuận, khi nào ông L trả đủ tiền cho ông H và bà T, thì ông H và bà T giao trả GCNQSD đất cho ông L. Tiền lãi tính từ ngày 20/6/2009 dương lịch đến ngày 20/01/2025 dương lịch là 15 năm 7 tháng x 17.000.000 đồng x 10%/năm = 23.375.000 đồng.

Nay ông H và bà T yêu cầu ông L trả số tiền vốn và lãi 40.375.000 đồng. Trong đó tiền vốn 17.000.000 đồng và tiền lãi 23.375.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông H và bà T đồng ý giao trả cho ông L GCNQSD đất đứng tên Trần Văn L, số R 202263, do Ủy ban nhân dân huyện C (nay là huyện P), tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/11/2000.

Tại Biên bản hoà giải ngày 19/3/2025 bị đơn ông Trần Văn L trình bày: Trước đây vào khoảng năm 2000 ông bán tôm cho ông Đoàn Văn N tại địa chỉ ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau và có mượn ông N 3.000.000 đồng, sau đó bán tôm hàng ngày để trừ nợ. Lúc đó, ông H cũng đi cân tôm và đến gặp ông cho mượn số tiền 3.000.000 đồng để trả cho ông N (hình thức giành mỗi cân tôm). Quá trình cân tôm ông mượn tiền của ông H nhiều lần tổng cộng 15.000.000 đồng đến năm 2017 ông H cho mượn thêm 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 17.000.000 đồng và ông có thể chấp GCNQSD đất cho ông H giữ cho đến nay.

Nay đồng ý thanh toán số tiền 17.000.000 đồng cho ông H và bà T. Đối với số tiền lãi phát sinh không đồng ý thanh toán do đây không phải là tiền vay mà chỉ là tiền cho mượn để giữ mỗi cân tôm và thời điểm chốt nợ vào ngày nào thì không nhớ. Và yêu cầu ông H và bà T trả cho ông G đất do ông đứng tên.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 17.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi tính từ ngày chốt nợ ngày 20/6/2009 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 10%/năm.

- Ông L trình bày: Đồng ý thanh toán tiền vốn 17.000.000 đồng, tiền lãi không đồng ý thanh toán vì ông không vay tiền của nguyên đơn mà chỉ là tiền giữ mỗi cân tôm. Hai bên chốt nợ năm 2017 dương lịch nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể, khi chốt nợ không thoả thuận lãi phát sinh và sau khi chốt nợ đến nay thì giữa hai bên cũng không còn mua bán tôm với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn không phát sinh hợp đồng vay mà nguyên đơn giao cho bị đơn mượn số tiền cụ thể để giữ mối cân tôm. Từ khi chót nợ đến nay bị đơn không trả lại tài sản cho nguyên đơn nên xác định đây là tranh chấp về đòi tài sản.

Về tố tụng: Ông Lê Thanh H và bà Trần Thị Bích T khởi kiện ông Trần Văn L về tranh chấp đòi tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn L cư trú tại ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn 17.000.000 đồng và tính lãi 10%/năm tính từ ngày chót nợ 20/6/2009 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng vay ông L đã giao GCNQSD đất số R 202263, diện tích 20.400m² do UBND huyện C (nay là huyện P), tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/11/2000 cho nguyên đơn quản lý cho đến nay. Bị đơn xác định chỉ đồng ý thanh toán tiền vốn 17.000.000 đồng, không đồng ý thanh toán lãi phát sinh vì cho rằng đây không phải là tiền vay mà chỉ là tiền giữ mối trong quá trình mua bán tôm giữa chủ vuông và lái cân tôm và chót nợ năm 2017 dương lịch.

Xét thấy, nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền để giữ mối trong quá trình mua bán tôm. Nên xác định giữa hai bên không phát sinh hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được số tiền vốn còn nợ, chỉ tranh chấp đối với lãi phát sinh. Do từ khi bị đơn mượn tài sản của nguyên đơn cho đến nay nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*. Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: *“1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ...2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn thanh toán lãi chậm trả cho nguyên đơn là 10%/năm là phù hợp.

Về lãi suất: Đại diện nguyên đơn cho rằng chót nợ vào ngày 20/6/2009 dương lịch nhưng nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bị đơn

xác định chốt nợ vào năm 2017 dương lịch nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể. Do giữa nguyên đơn và bị đơn không xác định ngày chốt nợ và không có tài liệu chứng minh nên để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự xác định ngày chốt nợ là ngày 01/01/2017 dương lịch.

Ngày 01/01/2017 dương lịch đến ngày xét xử 11/4/2025 là 08 năm 03 tháng 10 ngày x 17.000.000 đồng x 10%/năm = 14.071.575 đồng. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi 17.000.000 đồng + 14.071.575 đồng = 31.071.575 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu trả vốn, lãi tính từ ngày 20/6/2009 dương lịch và tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 15 năm 09 tháng 21 ngày x 17.000.000 đồng x 10%/năm = 26.872.808 đồng. Như vậy, số tiền nguyên đơn yêu cầu 43.872.808 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi từ ngày 20/6/2009 là không có cơ sở. Do đó, chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 31.071.575 đồng, không chấp nhận đối với số tiền 12.801.233 đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 31.071.575 đồng.

[3] Trường hợp bị đơn chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Nguyên đơn có trách nhiệm trả cho bị đơn GCNQSD đất số R 202263, diện tích 20.400m² do UBND huyện C (nay là huyện P), tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/11/2000, phần đất tại ấp D, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H và bà Trần Thị Bích T.

Buộc ông Trần Văn L thanh toán cho ông Lê Thanh H và bà Trần Thị Bích T số tiền vốn và lãi 31.071.575 đồng (Ba mươi một triệu không trăm bảy mươi một nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Lê Thanh H và bà Trần Thị Bích T có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 202263, diện tích 20.400m² do UBND huyện C (nay là huyện P), tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/11/2000, phần đất tại ấp D, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau do ông Trần Văn L đứng tên.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trần Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.
- Ông Lê Thanh H và bà Trần Thị Bích T phải chịu 640.000 đồng (làm tròn số). Ông Lê Thanh H và bà Trần Thị Bích T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.009.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003827 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được đối trừ ông H và bà T được nhận lại 369.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như